TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HS-ST
Ngày: 29/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Đỗ Duy Hừng**
Ông **Lê Văn Lâu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Âu Thị Thảo** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Huỳnh Minh C, sinh năm: 1996 tại huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim A và 01 con là Huỳnh Minh K, sinh ngày: 10/12/2015; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: từ nhỏ sống chung cha mẹ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; học hết lớp 8 nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm tội. Bị cáo tại ngoại. (Bị cáo có mặt).

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Kim A sinh ngày: 24/02/2000 (có mặt)
Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện D, tỉnh Tiền Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
1. Bà Nguyễn Thị H sinh năm: 1972 (có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang
2. Ông Chu Văn H sinh năm: 1973 (có mặt)
3. Bà Nguyễn Thị Đ sinh năm: 1985 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện D, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2014 bị cáo Huỳnh Minh C và Nguyễn Thị Kim A sinh

ngày 24/02/2000 quen biết và phát sinh quan hệ tình cảm với nhau. Vào khoảng 21 giờ ngày 14/02/2015 bị cáo và A hẹn gặp nhau tại khu vực vườn nhà của ông Phan Văn B ở ấp X, xã Y, huyện D, tỉnh Tiền Giang. Tại đây bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu với A 01 lần dẫn đến A mang thai. Ngày 24/3/2015 bị cáo và A tiếp tục hẹn gặp nhau tại vườn nhà ông B thì bị chị Nguyễn Thị Đ là mẹ ruột của A phát hiện nên báo Công an xã Y, huyện D, tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 27/3/2015 bị cáo và A cùng nhau đi đến nhà trọ thuê tháng ở khu vực quận N, thành phố Hồ Chí Minh sống chung với nhau cho đến ngày 10/12/2015 A sinh con và đặt tên là Huỳnh Minh K. Quá trình điều tra bị cáo và A khai nhận, trong khoảng thời gian này do A đang mang thai nên cả hai không có quan hệ giao cấu. Đến tháng 02 năm 2016 bị cáo và A được ông Chu Văn H, bà Nguyễn Thị Đ là cha mẹ ruột của A và bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của bị cáo tổ chức lễ cưới, hiện tại bị cáo và A chung sống hạnh phúc với nhau.

Theo kết luận giám định số 2750/C54B ngày 13/9/2016 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định: bị cáo và A là cha mẹ ruột của cháu Huỳnh Minh K với xác suất 99,9999%.

Về trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của bị cáo đã bồi thường cho A số tiền 10.000.000 đồng, A và cha mẹ của A có đơn bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 28/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Huỳnh Minh C về tội "Giao cấu với trẻ em" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố bị cáo Huỳnh Minh C phạm tội "Giao cấu với trẻ em". Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 115, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Chí từ 02 đến 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Huỳnh Minh C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là khoảng 21 giờ ngày 14/02/2015 tại khu vực vườn nhà của ông Phan Văn B ở ấp X, xã Y, huyện D, tỉnh Tiền Giang bị cáo C đã có hành vi giao cấu với Nguyễn Thị Kim A (dưới 16 tuổi) 01 lần làm A có thai và sinh 01 con tên là Huỳnh Minh K. Theo kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định: bị cáo và A là cha mẹ ruột của cháu Huỳnh Minh K với xác suất 99,9999%.

[2] Lời nhận tội của bị cáo C là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa; phù hợp với bản kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo C đã cấu thành tội "Giao cấu với trẻ

em", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi , bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội, nó đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm của Nguyễn Thị Kim A, làm ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất, tâm sinh lý bình thường của A, gây thiệt hại về sức khỏe cho A, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội. Bản thân bị cáo nhận thức được rằng sức khỏe, nhân phẩm của mọi công dân đều được pháp luật bảo vệ, nhưng vì ham muốn sinh lý bản thân mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người đã thành niên, lợi dụng sự quen biết để dụ dỗ giao cấu với em A trong lúc A chưa đủ 16 tuổi. Xã hội đang lên án những hành vi, việc làm như bị cáo. Do đó cần có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Tuy nhiên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo do bị cáo thành khẩn khai báo và nhận tội, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ mẹ ruột của mình bồi thường thiệt hại cho A xong. Mặt khác hiện tại bị cáo và A đang chung sống với nhau hạnh phúc cùng cháu K, bị cáo là lao động chính trong gia đình; không có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa em A và ông H là cha của A cũng tha thiết xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo lo cho vợ con. Xét thấy, bị cáo C có nhiều tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, bị cáo cũng có nơi cư trú rõ ràng. Để thể hiện tính chất nhân đạo của Nhà nước ta, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng có đủ có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho những ai đang có tư tưởng phạm tội như bị cáo.

[5] Đối với bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ, ông Chu Văn H có hành vi tổ chức lễ cưới cho bị cáo và A khi A chưa đến tuổi kết hôn. Tuy nhiên hành vi này không cấu thành tội "Tổ chức tảo hôn" quy định tại Điều 183 Bộ luật hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý hình sự là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của bị cáo đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Kim A số tiền 10.000.000 đồng, tại phiên tòa A cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Minh C** phạm tội "Giao cấu với trẻ em".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh C **03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Huỳnh Minh C cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Huỳnh Minh C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo C, bị hại A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Bà H, ông H được quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Đ được quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo Huỳnh Minh C;
- Bị hại Nguyễn Thị Kim A;
- VKS nhân dân huyện D;
- Nhà tạm giữ Công an huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ